TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP KHÓA 41
Tháng 3/2022

TT	Mã sinh viên	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Năm TN	Điểm TBCHT	Xếp loại	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
1	410110	Phạm Thị Mỹ	Trang	18/07/1998	Ninh Bình	Nữ	Kinh	Việt Nam	2022	2.61	Khá	Ngành Luật	
2	410114	Vũ Thị Thu	Phương	07/11/1998	Bắc Kạn	Nữ	Tày	Việt Nam	2022	2.64	Khá	Ngành Luật	
3	410153	Nguyễn Ngọc	Ánh	17/09/1997	Bắc Kạn	Nữ	Tày	Việt Nam	2022	2.39	Trung bình	Ngành Luật	
4	410155	Sầm Thanh	Trà	08/12/1997	Thái Nguyên	Nữ	Tày	Việt Nam	2022	2.16	Trung bình	Ngành Luật	
5	410225	Hoàng Minh	Tuấn	17/08/1998	Hòa Bình	Nam	Kinh	Việt Nam	2022	2.35	Trung bình	Ngành Luật	
6	410241	Đỗ Thị Ngọc	Anh	05/10/1998	Nam Định	Nữ	Kinh	Việt Nam	2022	3.2	Khá	Ngành Luật	Hạ bằng
7	410309	Mã Thị Hồng	Hạnh	24/10/1998	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	Việt Nam	2022	2.6	Khá	Ngành Luật	
8	410311	Nguyễn Ngọc	Thanh	30/08/1998	Thanh Hóa	Nam	Kinh	Việt Nam	2022	2.17	Trung bình	Ngành Luật	
9	410336	Đặng Thị Thu	Hường	23/07/1998	Nam Định	Nữ	Kinh	Việt Nam	2022	2.81	Khá	Ngành Luật	
10	410339	Đặng Thùy	Linh	18/12/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	2022	3.2	Giỏi	Ngành Luật	
11	410421	Phạm Thị	Hằng	09/06/1998	Thanh Hóa	Nữ	Mường	Việt Nam	2022	2.48	Trung bình	Ngành Luật	
12	410423	Bùi Việt	Phương	18/09/1998	Thái Bình	Nữ	Kinh	Việt Nam	2022	2.5	Khá	Ngành Luật	
13	410439	Đặng Thị	Đào	08/02/1998	Hà Nam	Nữ	Kinh	Việt Nam	2022	2.9	Khá	Ngành Luật	
14	410441	Hoàng Trần	Huy	02/11/1998	Hà Nội	Nam	Kinh	Việt Nam	2022	2.77	Khá	Ngành Luật	
15	410551	Ma Thị	Thao	16/06/1997	Tuyên Quang	Nữ	Tày	Việt Nam	2022	2.56	Khá	Ngành Luật	
16	410648	Ngô Thị Huyền	Trang	21/01/1998	Hải Phòng	Nữ	Kinh	Việt Nam	2022	2.72	Khá	Ngành Luật	
17	410652	Nguyễn Thị	Hương	29/08/1997	Thanh Hóa	Nữ	Mường	Việt Nam	2022	2.51	Khá	Ngành Luật	
18	410756	Nguyễn Văn	Toán	22/03/1998	Thanh Hóa	Nam	Kinh	Việt Nam	2022	2.49	Trung bình	Ngành Luật	
19	411051	Bùi Đức	Anh	20/05/1997	TP Yên Bái	Nam	Tày	Việt Nam	2022	2.44	Trung bình	Ngành Luật	
20	411129	Ngô Thùy	Dung	21/12/1998	Lai Châu	Nữ	Kinh	Việt Nam	2022	2.73	Khá	Ngành Luật	
21	411337	Trần Anh	Đức	06/10/1998	Hà Nội	Nam	Kinh	Việt Nam	2022	2.5	Khá	Ngành Luật	
22	411349	Bùi Thị	Mai	21/05/1997	Hoà Bình	Nữ	Thái	Việt Nam	2022	2.72	Khá	Ngành Luật	
23	411354	Phương Ngọc	Anh	08/07/1997	Cao Bằng	Nữ	Tày	Việt Nam	2022	2.37	Trung bình	Ngành Luật	
24	411440	Bùi Thị	Hoan	15/11/1998	Hòa Bình	Nữ	Mường	Việt Nam	2022	2.84	Khá	Ngành Luật	
25	411720	Nguyễn Thùy	Dương	12/03/1998	Lạng Sơn	Nữ	Tày	Việt Nam	2022	2.71	Khá	Ngành Luật	
26	411723	Đặng Anh	Phương	29/04/1997	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	Việt Nam	2022	2.63	Khá	Ngành Luật	

27	411742	Đinh Thị Thảo	Vy	09/12/1998	Đắk Lắk	Nữ	Mường	Việt Nam	2022	2.58	Khá	Ngành Luật	
28	411843	Vũ Thị	Hiền	11/08/1998	Thái Bình	Nữ	Kinh	Việt Nam	2022	2.89	Khá	Ngành Luật	
29	411916	Đoàn Thị Hoài	Thu	25/03/1997	Thanh Hoá	Nữ	Kinh	Việt Nam	2022	2.98	Khá	Ngành Luật	
30	411943	Hoàng Đức	Anh	04/07/1998	Hưng Yên	Nam	Kinh	Việt Nam	2022	2.49	Trung bình	Ngành Luật	
31	412004	Mã Thị Hoàng	An	26/10/1998	Lào Cai	Nữ	Tày	Việt Nam	2022	2.59	Khá	Ngành Luật	
32	412120	Nguyễn Thu	Hà	25/12/1998	Hòa Bình	Nữ	Mường	Việt Nam	2022	2.63	Khá	Ngành Luật	
33	412550	Bùi Thị Tố	Uyên	13/03/1997	Thanh Hoá	Nữ	Mường	Việt Nam	2022	2.87	Khá	Ngành Luật kinh tế	
34	412551	Trần Xuân	Anh	22/06/1997	Nghệ An	Nam	Thái	Việt Nam	2022	2.36	Trung bình	Ngành Luật kinh tế	
35	412557	Cao Kiều	Diễm	08/10/1997	Thanh Hoá	Nữ	Mường	Việt Nam	2022	2.29	Trung bình	Ngành Luật kinh tế	
36	412632	Phan Thu	Hoài	25/05/1998	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	Việt Nam	2022	2.76	Khá	Ngành Luật kinh tế	
37	412635	Nguyễn Anh Tuấn	Minh	03/06/1998	Lai Châu	Nam	Kinh	Việt Nam	2022	2.65	Khá	Ngành Luật kinh tế	
38	412827	Nguyễn Ngọc	Thảo	25/07/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	2022	2.92	Khá	Ngành ngôn ngữ Anh	
39	412857	Đào Nguyễn Quỳnh	Anh	01/07/1997	Nghệ An	Nữ	Kinh	Việt Nam	2022	3.02	Khá	Ngành ngôn ngữ Anh	
40	412840	Nguyễn Thị Thanh	Mai	23/01/1998	Thái Bình	Nữ	Kinh	Việt Nam	2022	2.74	Khá	Luật	
41	412849	Đặng Quỳnh	Trang	07/07/1997	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	2022	2.83	Khá	Luật	
42	412852	Vũ Thị	Lệ	30/01/1998	Nam Định	Nữ	Kinh	Việt Nam	2022	3.02	Khá	Luật	
43	412856	Phùng Thị	Trang	06/02/1998	Gia Lai	Nữ	Kinh	Việt Nam	2022	3.22	Giỏi	Luật	
44	412860	Nông Hoàng	Như	04/05/1997	Cao Bằng	Nữ	Tày	Việt Nam	2022	2.85	Khá	Luật	
Danh sách gồm 44 sinh viên./.													